

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 850/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 905/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, địa chỉ: Tổ L, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Đức H; địa chỉ: Tổ L, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2018, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và về chung sống với nhau từ tháng 01/2013 nhưng đến ngày 20/11/2013 chị và anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống cùng bố mẹ anh

H tại Tổ L, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa năm 2013 chị phát hiện anh H nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên và tạo điều kiện cho anh H cai nghiện tại nhà nhưng anh H không cai được, anh H vẫn tiếp tục sử dụng ma túy; anh H không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ, con dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung luôn căng thẳng, mệt mỏi, tình cảm vợ chồng rạn nứt; gia đình đã đưa anh H vào Trung tâm cai nghiện số 02 tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, đến giữa năm 2014 chị về nhà mẹ đẻ chị sinh sống từ đó đến nay; tháng 9/2015 anh H cai nghiện xong về nhà nhưng chị và anh H không qua lại, quan tâm đến nhau nữa, cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm, cũng như về kinh tế từ khi anh H từ năm 2014 đến nay. Nay chị xác định cuộc sống chung giữa chị và anh H không có tương lai, hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, nay không còn tình yêu và trách nhiệm với nhau nữa, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Phạm Thị X và anh Bùi Đức H có 01 con chung là Bùi Minh A, sinh ngày 21/11/2013. Hiện nay chị X có công việc và thu nhập ổn định, chị có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con hơn nữa anh H mắc vào tệ nạn xã hội không có khả năng chăm sóc, giáo dục con; Khi ly hôn chị X xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Minh A đến khi trưởng thành; chị X không yêu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với anh Bùi Đức H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh H và không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Biên bản xác minh ông Bùi Đức Kim, sinh năm 1955, địa chỉ: Tổ L, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng là bố đẻ của anh Bùi Đức H cung cấp: Chị X và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng vào năm 2013, sau khi kết hôn chị X và anh H về chung sống cùng gia đình ông tại Tổ L, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống chị X và anh H không có mâu thuẫn gì, khoảng giữa năm 2014 chị X tự ý bỏ đi, bế con đi theo, khi đi chị X không nói gì với ai, chị X đi đâu, làm gì ông không biết, chị X không quan tâm, không liên lạc với anh H. Nay chị X có đơn xin ly hôn với anh H thì nguyện vọng của gia đình là muốn chị X và anh H đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Còn đối với anh H, sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án thì anh H có quan điểm là muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con nhưng do hiện tại anh H đang đi làm xa nhà nên không thể đến Tòa làm việc được. Anh H và chị X có 01 con chung là Bùi Minh A, sinh ngày 21/11/2013, nguyện vọng của gia đình là giao cháu Bùi

Minh A cho anh H được nuôi dưỡng và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H và chị X không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại Biên bản xác minh, Công an phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng cung cấp: Bùi Đức H, sinh năm 1981, hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 43/194 tổ L, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng và vẫn thường xuyên ăn, ở, sinh hoạt tại địa chỉ nêu trên; Bùi Đức H là đối tượng nghiện ma túy thuộc sự quản lý của Công an phường Đ.

Tại Biên bản xác minh, Hội phụ nữ và Tổ dân phố - tổ L, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị X và anh H là vợ chồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới còn có đăng ký kết hôn hay không thì Hội phụ nữ và Tổ dân phố không nắm được. Sau khi cưới chị X và anh H chung sống cùng gia đình ông Bùi Đức Kim là bố đẻ của anh H; anh H và chị X chung sống tại nhà ông Kim được khoảng một năm thì chị X chuyển đi nơi khác ở còn anh H vẫn sống cùng gia đình ông Kim. Trong quá trình chung sống tại địa phương không thấy anh H và chị X có mâu thuẫn gì lớn khiến địa phương phải can thiệp, còn mâu thuẫn nội bộ thì Hội phụ nữ và Tổ dân phố không nắm được. Chị X và anh H có 01 con chung là Bùi Minh A; về tài sản chung, công nợ chung của chị X và anh H Tổ dân phố và Hội phụ nữ không nắm được.

Tại phiên tòa chị X vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, các bản tự khai; chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H và xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Minh A đến khi trưởng thành, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mực thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị X và anh Bùi Đức H; về con chung: Giao cho chị Phạm Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Minh A đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không xem xét giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng. Về án phí: Chị Bùi Thị X phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thẩm quyền giải quyết:

[1] Ngày 15 tháng 6 năm 2018 chị Phạm Thị X nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị Phạm Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Bùi Đức H, địa chỉ: Tổ L, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, yêu cầu giải quyết về nuôi con khi ly hôn. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tố tụng:

[2] Anh Bùi Đức H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Bùi Đức H đều vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Bùi Đức H.

- Về quan hệ pháp luật:

[3] Chị Phạm Thị X và anh Bùi Đức H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Quán Trữ, quận K, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20/11/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân:

[4] Sau khi kết hôn anh H và chị X chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ, con; mặc dù đã được gia đình quan tâm tạo điều kiện cho đi cai nghiện nhưng đến nay anh H vẫn đang là đối tượng nghiện ma túy mà chính quyền địa phương quản lý. Anh H đã đi cai nghiện về từ tháng 9/2015 đến nay nhưng anh H và chị X vẫn sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, hai bên đều không có biện pháp tháo gỡ mâu thuẫn và để mặc cho mâu thuẫn kéo dài từ năm 2015 đến nay. Tòa án đã nhiều lần khuyên chị X rút đơn về đoàn tụ với anh H nhưng chị X vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H; Tòa án nhiều lần triệu tập anh H để giải quyết việc chị X có đơn xin ly hôn anh H và tiến hành hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị X và anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức đoàn tụ. Tại phiên tòa chị X vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị X được ly hôn anh H. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị X và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp pháp luật cần được chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Chị Phạm Thị X và anh Bùi Đức H có 01 con chung là Bùi Minh A, sinh ngày 21/11/2013. Hiện nay anh Bùi Đức H mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy, con chung là Bùi Minh A còn nhỏ, chị X hiện có nơi ở ổn định, có công việc và có thu nhập, có điều kiện để chăm sóc con. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị X đề nghị Tòa án giao con chung là Bùi Minh A cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp pháp luật, phù hợp thực tế đây cũng là quan điểm của Viện kiểm sát cần được chấp nhận. Nếu sau khi ly hôn chị X, anh H có yêu cầu giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Chị Phạm Thị X không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau khi ly hôn chị X, anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản chung:

[7] Chị Phạm Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Nếu sau khi ly hôn chị X, anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí:

[8] Chị Phạm Thị X phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị X và anh Bùi Đức H.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Minh A, sinh ngày 21/11/2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau khi ly hôn chị X, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng, về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Phạm Thị X phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0010148 ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị X đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo Bản án: Chị Phạm Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Bùi Đức H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- THADS quận K;
- UBND phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chính

Vũ Văn Lầy

Nguyễn Thị Lan Hương